

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày 14-01-2021

V/v “Xin ly hôn giữa anh C và chị D”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Gấm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Bá Vạn.

2. Ông Trần Đức Thi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2020/TLST - HNGĐ ngày 16-10-2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24-12-2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Xuân C, sinh năm 1992.

Nơi ĐKKHKT tại: Thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Vùng 4 Hải Quân, Cam Ranh, Khánh Hòa.

2. *Bị đơn:* Chị Phạm Thị D, sinh năm 1994.

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Có mặt chị Phạm Thị D, anh Phạm Xuân C vắng mặt có lý do.

NỘI D V U Á N:

* Trong đơn khởi kiện ngày 18-8-2020, bản tự khai ngày 16-10-2020 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Phạm Xuân C trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phạm Thị D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V ngày 27-11-2015. Sau ngày kết hôn anh và chị D sống hòa thuận đến tháng 9-2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Do đặc thù công việc anh công tác trong Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, từ tháng 6-2017 anh đã đưa vợ con vào trong Cam Ranh sống cùng với anh. Đến tháng 8-2017 anh phải đi công tác ở đảo Song Tử Tây, của Trường Sa nên mẹ đẻ chị D vào ở cùng. Thời gian đó anh vẫn gửi tiền về cho chị D. Nhưng sau đó anh thấy thực tế là ở trong đó tiền nhà cửa, tiền chi phí nhiều mà anh đi công tác xa, mẹ con chị D ở lại cũng không giải quyết được vấn đề gì nên anh đã bảo mẹ con chị D về nhà bố mẹ đẻ ở ngoài bắc để sinh sống. Sau đó mẹ con chị D đã bán hết đồ đạc như tủ lạnh và các vật dụng khác và về ngoài bắc ở. Mẹ con chị D về quê từ khi nào thì anh không được biết vì chị D đi về không báo với anh và cũng không về nhà bố mẹ đẻ của anh sinh sống mà về ở nhà của bố mẹ chị D. Từ thời gian đó trở đi vợ chồng đã sút mẻ tình cảm, anh đã cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình, nhiều lần anh bảo chị D vào Cam Ranh sinh sống cùng anh nhưng chị D không vào. Anh chị thường xuyên cãi chửi nhau dẫn đến hạnh phúc gia đình mất dần. Anh và chị D đã chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 8-2020 đến nay. Anh nhận thấy cuộc sống hôn nhân của anh và chị D rất căng thẳng, mệt mỏi, tình cảm vợ chồng giữa anh và chị D không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh không thể tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này được nữa nên anh xin được ly hôn với chị D.

2. Về con chung: Anh và chị D có 01 con chung là cháu Phạm Hải T, sinh ngày 27-5-2016. Hiện nay cháu T đang được chị D nuôi dưỡng. Ly hôn, anh đồng ý để chị D nuôi con vì cháu T còn nhỏ, anh phải công tác xa nhà nên chị D nuôi dưỡng con là tốt hơn. Hiện nay anh đang làm nhân viên kỹ thuật, cấp bậc Trung úy, mức lương của anh là 5.885.000đ/tháng, anh nhận cấp dưỡng nuôi con cùng chị D là 2.500.000đ/tháng đến khi cháu T trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Nếu chị D không đồng ý mức cấp dưỡng này thì anh đề nghị Tòa án giao con cho anh nuôi dưỡng và anh không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Anh và chị D không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải xem xét giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 10-11-2020 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn chị Phạm Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D trình bày về điều kiện kết hôn, thời gian vợ chồng đăng ký kết hôn như anh C khai. Theo chị D, trong quá trình chung sống giữa chị và anh C có xảy ra mâu thuẫn, va chạm nhưng theo chị đánh giá thì những

mâu thuẫn đó chưa đến mức vợ chồng phải ly hôn. Tháng 3-2017 anh C đưa chị và con vào Cam Ranh nơi anh C công tác sinh sống, đến tháng 8-2017 thì anh C đi công tác ở đảo, khi đi anh C bảo mẹ con chị cứ tiếp tục ở đó. Khi anh C đi công tác thì mẹ để chị vào trông con giúp, trong quá trình anh C đi công tác, anh C không gửi tiền về cho mẹ con chị, chị đã phải đi buôn bán để kiếm tiền nuôi con. Đến tháng 10-2017 do điều kiện kinh tế không đảm bảo nên chị đã bán đồ đạc và những vật dụng gia đình để đưa con về ngoài bắc sinh sống. Chị đưa con về nhà mẹ đẻ ở đến cuối năm 2017 bố mẹ chồng điện cho chị bảo cho cháu về ăn tết thì lúc đó mẹ con chị mới về bên nhà bố mẹ chồng ở. Anh C công tác xa nhà, chị ở nhà làm việc, chăm con vun vén cho gia đình, không có điều tiếng gì. Từ tháng 3-2020 chị lại đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở để tiện cho ông bà trông nom cháu giúp cho chị đi học nhưng chị vẫn thường xuyên đi về nhà chồng. Vợ chồng chị chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 8-2020 đến nay. Chị thấy anh C khai vợ chồng mâu thuẫn hay cãi chửi nhau là không đúng vì anh C đi công tác suốt, về được mấy bữa là đi nên không thể có thời gian cãi nhau. Anh C lấy lý do không còn tình cảm với chị để ly hôn thì chị không đồng ý. Chị xác định vẫn còn tình cảm với anh C, mâu thuẫn gia đình chưa trầm trọng nên chị xin được đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là cháu Phạm Hải T, sinh ngày 27-5-2016. Hiện nay cháu T đang được chị nuôi dưỡng. Nếu buộc phải ly hôn chị xin nhận được nuôi con vì cháu T còn nhỏ, đặc trưng công việc của anh C là luôn công tác xa nhà nên không đảm bảo đủ thời gian để chăm con. Chị đồng ý nhận mức cấp dưỡng nuôi con từ anh C là 2.500.000đ/tháng đến khi cháu T trưởng thành, có khả năng lao động, tự lập được.

Về tài sản, công nợ và các nội D khác liên quan: Chị và anh C không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 17-12-2020, chính quyền địa phương cung cấp như sau: Anh Phạm Xuân C và chị Phạm Thị D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V vào ngày 27-11-2015, hiện nay anh C và chị D vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Phạm Xuân C và chị Phạm Thị D.

+ Về con chung: Giao cháu Phạm Hải T, sinh ngày 27-5-2016 cho chị Phạm Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T cùng chị D là 2.500.000 đồng/tháng đến khi cháu T trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phạm Xuân C phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là anh Phạm Xuân C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Xuân C và chị Phạm Thị D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Nam Định ngày 27-11-2015, như vậy hôn nhân của anh C và chị D là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo anh C xác nhận là do tính tình vợ chồng không hợp, trong cuộc sống có xảy ra cãi, chửi nhau. Chị D xác định những mâu thuẫn gia đình của chị và anh C là có nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ. Hiện tại anh C và chị D đã sống ly thân. Như vậy trong thời gian vợ chồng chung sống anh C và chị D không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và anh chị đã có thời gian sống ly thân. Như vậy, việc này trái với quy định tại Điều 19, 21 Luật hôn nhân gia đình. Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân gia đình của anh C, chị D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh C, xử cho

anh C được ly hôn với chị D là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Phạm Xuân C và chị Phạm Thị D có 01 con chung là cháu Phạm Hải T, sinh ngày 27-5-2016; hiện nay cháu T đang được chị D nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy chị D có sức khỏe, có công việc và có thu nhập ổn định nên đủ điều kiện nuôi con; Mặc dù anh C cũng có công việc và thu nhập ổn định nhưng đặc thù công việc của anh C là công tác xa nhà. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của chị D là giao cháu Phạm Hải T cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 58; Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Xuân C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con cùng chị D là 2.500.000đ/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là mức cấp dưỡng do anh C tự nguyện đóng góp và chị D đồng ý với mức cấp dưỡng này vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng này là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Xuân C phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử lý hôn giữa anh Phạm Xuân C và chị Phạm Thị D.

2. Về con chung:

- Giao cháu Phạm Hải T, sinh ngày 27-5-2016 cho chị Phạm Thị D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh Phạm Xuân C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Phạm Thị D là 2.500.000đ/tháng, kể từ tháng 01-2021 cho đến khi cháu Tú trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được.

Anh Phạm Xuân C có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở, nhưng anh C không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Phạm Thị D.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Xuân C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh C đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2016/0002029 ngày 16-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vụ Bản được đối trừ và anh C phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Chị Phạm Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Phạm Xuân C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã M;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Gấm